TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Liễu Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Bời;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Thanh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Kim Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị P1, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn N, xã P2, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là thôn N, xã V, huyện P2, tỉnh Bắc Kạn); CCCD số: 0061980028**, ngày cấp: 27-8-2025, nơi cấp: Bộ Công an; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn C, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn *, xã T1, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là Thôn *, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn); CCCD số: 0200900073**, ngày cấp: 17-12-2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị P1 trình bày: Chị và anh Vũ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Lạng

Sơn (nay là xã T1, tỉnh Lạng Sơn) ngày 16-3-2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn. Đến tháng 6/2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 nên anh chị chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn N, xã V, huyện P2, tỉnh Bắc Kạn; sau khi chị sinh con được một thời gian đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Vũ Văn C không tu chí làm ăn, chị có khuyên bảo nhưng anh không nghe, nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng tình hình không cải thiện được. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị đã đi làm công ty và tháng 11/2022 chị đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan; vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Tháng 11/2023 chị về nước, chị và anh Vũ Văn C đã không liên lạc, không trao đổi với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn C.

Về con chung: Chị Triệu Thị P1 và anh Vũ Văn C có 01 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 14-7-2021; từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Vũ Minh K vẫn ở với chị và bố mẹ đẻ của chị; cháu Vũ Minh K đang học tại Trường mầm non V thuộc xã P2, tỉnh Thái Nguyên. Anh Vũ Văn C chỉ đến thăm con được hai lần, anh không đóng góp tiền nuôi con. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Vũ Văn C cấp dưỡng nuôi con. Chị đi làm thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng, ngoài ra còn có sự hỗ trợ của bố mẹ chị, đảm bảo các điều kiện để con được chăm sóc tốt nhất.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự trong vụ án ly hôn, tự nguyện nộp cả phần án phí mà anh Vũ Văn C phải chịu.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 28-11-2025, bị đơn anh Vũ Văn C trình bày thống nhất với chị Triệu Thị P1 việc kết hôn, con chung và quá trình chung sống tại thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Triệu Thị P1 yêu cầu ly hôn anh nhất trí. Anh đồng ý khi ly hôn, chị Triệu Thị P1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Minh K cho đến khi đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại các lời khai tiếp theo anh Vũ Văn C trình bày: Khi chuẩn bị sinh con chị Triệu Thị P1 về bên ngoại ở; từ tháng 10/2022 trở về trước tình cảm vợ chồng bình thường, từ tháng 11/2022 chị Triệu Thị P1 đi làm xa, vợ chồng không sống cùng nhau, anh không liên lạc được với chị Triệu Thị P1 và chị Triệu Thị P1 cũng không chủ động liên lạc với anh; con ở với ông bà ngoại; chị Triệu Thị P1 về nước lúc nào anh cũng không biết. Kể từ khi phát sinh mâu thuẫn năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân, không gặp nhau, không liên lạc, không nói chuyện để hòa giải, hai bên không quan tâm đến nhau, cũng không báo chính quyền để hòa giải; anh không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn. Từ khi sinh ra đến nay cháu Vũ Minh K vẫn ở với mẹ và ông bà ngoại. Đầu năm 2023 anh đến thăm con, đến cuối năm 2023 anh đến thăm con muốn đón con về bên nội ăn Tết nhưng bà ngoại không cho đón; từ sau đó cho đến nay anh không đến gặp con nữa. Anh yêu cầu được

nuôi con và sẽ đón về sống cùng ông bà nội tại xã T1, tỉnh Lạng Sơn. Anh đang đi làm ở Bắc Ninh, thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa anh Vũ Văn C giữ nguyên lời trình bày về quá trình kết hôn và chung sống; anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn; anh yêu cầu được nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi với lý do gia đình anh có điều kiện chăm sóc cho cháu tốt hơn; anh không đến thăm con do đường xá xa xôi anh bận đi làm không xin nghỉ được; anh không gửi tiền nuôi con do anh không có số tài khoản của chị Triệu Thị P1; chị Triệu Thị P1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí anh nhất trí.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Ủy ban nhân dân xã T1, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Anh Vũ Văn C và chị Triệu Thị P1 kết hôn theo quy định của pháp luật có đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến mâu thuẫn, cãi vã, bạo lực gia đình giữa anh Vũ Văn C và chị Triệu Thị P1. Sau khi sinh con, chị Triệu Thị P1 đi làm công ty, sau đó đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan khiến tình cảm vợ chồng xa cách. Gia đình nội ngoại đã nhiều lần thuyết phục hai anh chị hàn gắn, trở về với gia đình nhưng các bên không đồng ý. Hiện tại do tính cách không hợp nên anh chị đã không còn sống chung; đã ly thân được khoảng 04 năm. Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Minh K hiện nay cháu đang được nuôi dưỡng tại gia đình bên ngoại của chị Triệu Thị P1 tại thôn N, xã P2, tỉnh Thái Nguyên. Anh Vũ Văn C làm công nhân, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, các điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị P1 và anh Vũ Văn C; giao con chung là cháu Vũ Minh K cho chị Triệu Thị P1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Vũ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Triệu Thị P1 không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Triệu Thị P1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Thị P1 có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn giải quyết ly hôn với anh Vũ Văn C cư trú tại xã T1, tỉnh Lạng Sơn; do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn theo Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự viết bản tự khai; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các văn bản đều được tống đạt hợp lệ cho đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Triệu Thị P1 gửi đơn xin ly hôn với anh Vũ Văn C và yêu cầu giải quyết tranh chấp về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị P1 và anh Vũ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T1, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 16-3-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm, không liên lạc, trao đổi với nhau, đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cả hai anh chị đều không tìm biện pháp hàn gắn, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị Triệu Thị P1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn C. Tại phiên tòa chị Triệu Thị P1 vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn C. Anh Vũ Văn C cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Triệu Thị P1 và anh Vũ Văn C đã trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc đồng ý ly hôn của anh Vũ Văn C và chị Triệu Thị P1 là tự nguyên nên cần công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Chị Triệu Thị P1 và anh Vũ Văn C có 01 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 14-7-2021, hiện nay đang ở với chị Triệu Thị P1 và bố mẹ đẻ của chị Triệu Thị P1. Khi ly hôn, chị Triệu Thị P1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Vũ Văn C cấp dưỡng nuôi con. Anh Vũ Văn C cũng yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi anh Vũ Văn C và chị Triệu Thị P1 ly thân đến nay, cháu Vũ Minh K ở với chị Triệu Thị P1 và gia đình chị Triệu Thị P1, được nuôi dưỡng, học tập đầy đủ, chị Triệu Thị P1 có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; bản thân anh Vũ Văn C đã có hơn 02 năm không gặp con, nên để đảm bảo sự ổn định và phát triển của cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị P1, giao cháu Vũ Minh K cho chị Triệu Thị P1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Vũ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Triệu Thị P1 không yêu cầu. Anh Vũ Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tại phiên tòa anh Vũ Văn C và chị Triệu Thị P1 thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; chị Triệu Thị P1 tự nguyện nộp toàn bộ án phí bao gồm cả phần án phí mà anh Vũ Văn C phải chịu; xét thấy chị Triệu Thị P1 nộp toàn bộ án phí là tự nguyện nên chấp nhận; tổng số tiền án phí mà chị Triệu Thị P1 phải nộp

là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Triệu Thị P1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000751, ngày 03-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, ý kiến của các đương sự, các nội dung có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận; nội dung không phù hợp không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, các điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị P1 và anh Vũ Văn C.

2. Về con chung: Anh Vũ Văn C và chị Triệu Thị P1 có 01 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 14-7-2021, hiện nay đang ở với chị Triệu Thị P1.

Giao con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 14-7-2021 cho chị Triệu Thị P1 có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Vũ Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Anh Vũ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Triệu Thị P1 không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị P1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Triệu Thị P1 đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00007**, ngày 03-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Triệu Thị P1 đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lạng Sơn (PKGĐ, KT, TT&THA);
- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn (Phòng THADS khu vực *);
- UBND xã T1, tỉnh Lạng Sơn.
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Liễu Thị Hạnh